

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ TRẮNG BÀNG
TỈNH TÂY NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 48/2024/HNGĐ-ST
Ngày 05-6-2024
V/v “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TRẮNG BÀNG, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Nguyễn Thị An.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Hùng

2. Ông Tạ Kỳ Trung

- Thư ký phiên tòa: bà Lê Thanh Trúc - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng tham gia phiên tòa:
ông Trần Tấn Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 330/2023/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 10 năm 2023 về “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 54/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: chị Nguyễn Thị Tú T, sinh năm: 1992; địa chỉ: Tổ A, ấp T, xã T, thị xã H, tỉnh Tây Ninh;

- Bị đơn: anh Phạm Hoàng P, sinh năm: 1997; địa chỉ: khu phố L, phường L, thị xã T, tỉnh Tây Ninh.

(chị T, anh P có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện và Bản tự khai đề ngày 24-11-2022 và trong quá trình làm việc nguyên đơn chị Nguyễn Thị Tú T trình bày:

- Về hôn nhân: chị và anh Phạm Hoàng P tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2016, có tổ chức lễ phạt, có đăng ký kết hôn tại xã L, huyện T (nay là phường L, thị xã T), tỉnh Tây Ninh. Ngày phạt bên chồng có cho sổ nữ trang, nhưng vợ chồng bán chi phí hết. Phạt xong vợ chồng sống chung nhà cha mẹ chồng, cả hai đi làm công nhân. Vợ chồng sống đến năm 2019 xảy ra mâu thuẫn, do vợ chồng sống không phù hợp, anh P cờ bạc cá độ, chị khuyên nhưng anh không nghe, vợ chồng lời qua tiếng lại cãi vã nhau, cha mẹ chồng có khuyên nhưng anh P vẫn không từ

bỏ, anh P đi làm không phụ tiền cho chị chi phí nuôi con, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, nên chị bỏ đi về nhà cha mẹ ruột ở, vợ chồng sống ly thân với nhau từ năm 2019 cho đến nay. Thời gian ly thân lúc đầu anh P có đến thăm con, năn nỉ chị ở lại nhưng chị không đồng ý, nên anh không đến nữa, sau này ngày tết thì anh P và mẹ chồng có đến thăm con. Do cuộc sống không hạnh phúc, vợ chồng không còn tình cảm với nhau, và cũng đã sống ly thân từ năm 2019 nên chị xin ly hôn với anh P.

- Về con chung: có 01 cháu Phạm Chí T1, sinh ngày 25-02-2017 chị đang nuôi, chị yêu cầu tiếp tục nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng.

- Về tài sản chung và nợ chung: không có, chị không yêu cầu giải quyết. Ngoài ra không yêu cầu gì khác. Ngày 20-5-2024 chị có đơn xin vắng mặt do bận đi làm.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 15-5-2024, bị đơn anh Phạm Hoàng P trình bày: anh và chị Nguyễn Thị Tú T tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2016, có tổ chức lễ phạt, có đăng ký kết hôn năm 2017, phạt xong vợ chồng sống chung bên nhà cha mẹ anh, cả hai đi làm công nhân. Vợ chồng sống đến năm 2019 xảy ra mâu thuẫn, do vợ chồng không có tiếng nói chung, tính tình không hợp, nên thường xuyên lời qua tiếng lại cãi vã nhau về tiền bạc, vợ bỏ về nhà cha mẹ ruột ở, vợ chồng sống ly thân từ năm 2019. Thời gian này vợ chồng có gặp nhau, nhưng không bàn việc đoàn tụ lại. Nay vợ xin ly hôn thì anh đồng ý ly hôn.

- Về con chung: có 01 cháu Phạm Chí T1, sinh ngày 25-02-2017 hiện vợ anh đang nuôi, anh đồng ý giao cho vợ nuôi con, anh không cấp dưỡng, nhưng anh làm có tiền sẽ phụ vợ nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: không có, anh không yêu cầu giải quyết. Ngoài ra không yêu cầu gì khác. Ngày 15-5-2024 anh có đơn xin vắng mặt do bận đi làm.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án:

Về tố tụng: việc tuân theo pháp luật tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: căn cứ vào các Điều 56, 81, 82 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định: về hôn nhân: chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Tú T đối với anh Phạm Hoàng P; về con chung: giao cháu Phạm Chí T1, sinh ngày 25-02-2017 cho chị T được quyền tiếp tục nuôi dưỡng. Ghi nhận chị T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung và nợ chung: không có nên không giải quyết; nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:* chị T và anh P có đơn xin giải quyết vắng mặt có lý do, nên

Hội đồng xét xử đưa vụ án ra xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp theo quy định tại Khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về hôn nhân*: chị T, anh P tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2016, có tìm hiểu, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Sau thời gian chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và sống ly thân với nhau từ năm 2019, nên chị T xin ly hôn, anh P đồng ý ly hôn, nhưng anh xin vắng mặt.

Xét thấy, do anh chị sống không phù hợp, bất đồng quan điểm, không tin tưởng lẫn nhau nên vợ chồng hay lời qua tiếng lại cãi vã nhau về tiền bạc, cuộc sống không hạnh phúc, nên chị T bỏ đi và xin ly hôn. Thời gian này vợ chồng có gặp nhau, nhưng không bàn việc đoàn tụ lại. Xét thấy, mâu thuẫn của anh chị đã trở nên trầm trọng, mục đích hôn nhân không còn đạt được, tình cảm vợ chồng đã phai nhạt, anh chị đã sống ly thân với nhau từ năm 2019, nay chị T xin ly hôn, anh P đồng ý ly hôn, nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T đối với anh P là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] *Về con chung*: có 01 cháu Phạm Chí T1, sinh ngày 25-02-2017, chị T đang nuôi, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng. Anh P đồng ý theo yêu cầu của chị T. Xét thấy, anh chị thỏa thuận tự nguyện, phù hợp với nguyện vọng của cháu T1, nghỉ nên giao cháu T1 cho chị T được quyền tiếp tục nuôi dưỡng. Ghi nhận chị T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con là phù hợp với quy định tại Điều 81, 82 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] *Về tài sản chung và về nợ chung*: chị T, anh P khai không có, không yêu cầu nên không giải quyết.

[5] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng tại phiên toà là có căn cứ nên chấp nhận.

[6] *Về án phí sơ thẩm ly hôn*: chị T chịu 300.000 đồng theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 147, 228, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56, 81, 82 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. *Về hôn nhân*: chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Tú T đối với anh Phạm Hoàng P. Chị T được ly hôn với anh P.

2. *Về con chung*: giao cháu Phạm Chí T1, sinh ngày 25-02-2017 cho chị Nguyễn Thị Tú T được quyền tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ghi nhận chị T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Anh Phạm Hoàng P có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: chị T, anh P khai không có, không yêu cầu, nên không giải quyết.

4. Về án phí: chị Nguyễn Thị Tú T chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí sơ thẩm hôn nhân. Được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0027632 ngày 13-10-2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Trảng Bàng. Chị T nộp đủ tiền án phí.

Các đương sự có quyền kháng cáo lên Toà án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

“Trường hợp Bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND thị xã Trảng Bàng;
- Chi cục THADS thị xã Trảng Bàng;
- UBND P. Lộc Hưng, Trảng Bàng;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị An